TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 10 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

2. Bà **Khưu Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên toà:* Bà **Trần Mỹ Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly, nuôi con hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Châu Kim N, sinh năm 1979

Nơi ĐKNKTT: Nhà không số, ấp T, xã C, huyện V, tỉnh B.

Tạm trú: Số 143, ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lý Phương H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 226, đường T, Khóm N, Phường B, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Châu Kim Nghĩa trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Lý Phương H tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn ngày 05/11/2007 tại Ủy ban nhân dân phường M (nay là phường B), thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh B. Sau kết hôn sống tại nhà số 226, đường T, khóm N, phường B, thành phố B, tỉnh B. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian ba năm trở lại đây, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do anh H thường xuyên chi tiêu phung phí, không rõ ràng trong chuyện tiền bạc, thường xuyên nổi nóng, cáu gắt và đánh đập chị N mỗi khi chị N đề cập đến việc tiêu xài của anh H. Ngoài ra, anh H thường xuyên đi ra ngoài không có giờ giấc, có hôm anh đi qua đêm, đến sáng mới về, không biết anh đi đâu, làm gì. Nếu chị N hỏi, lời qua tiếng lại, anh H sẽ đánh chị N. Chị N đã nhiều lần khuyên nhủ, anh H không sửa đổi.

Chị N đã bỏ nhà đi vài lần vì không chịu nỗi tính tình của anh H. Tuy nhiên do thương con nên mới quay về sống tiếp với anh H. Lần cuối cùng chị Na dẫn theo hai con đi khỏi nhà là lúc 10 giờ 00 phút ngày 13/12/2017. Sau đó chị N đến thị trấn L, huyện T, tỉnh S thuê nhà mở cửa hàng mua bán giày dép và sinh sống với hai con cho đến nay.

Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có hai con chung tên Lý Châu N, sinh ngày 25/7/2008 và Lý Châu N, sinh ngày 07/6/2011. Hiện nay hai con đang sống cùng với chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lý Phương H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H và chị Châu Kim N tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn ngày 05/11/2007 tại Ủy ban nhân dân phường M (nay là phường B), thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh B. Sau kết hôn sống tại nhà số 226, đường T, khóm N, phường B, thành phố B, tỉnh B. Trong quá trình chung sống tương đối hạnh phúc. Tuy nhiên, cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Tháng 10/2017 âm lịch chị N đưa các con đi học, sau đó không về nhà nữa. Anh H không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có hai con chung tên Lý Châu N, sinh ngày 25/7/2008 và Lý Châu N2, sinh ngày 07/6/2011. Hiện nay hai con đang sống cùng với chị N. Do anh H không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu về vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Châu Kim N đối với anh Lý Phương H. Về con chung, có đủ cơ sở giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Châu Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lý Phương H, nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Lý Phương H có địa chỉ cư trú tại Khóm N, Phường B, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy chị Châu Kim N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, anh Lý Phương H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Hội đồng xét xử xét thấy chị Châu Kim N và anh Lý Phương H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007, đăng ký kết hôn ngày 05/11/2007 tại Ủy ban nhân dân phường M (nay là phường B), thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh B, nên hôn nhân của chị N và anh H là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị N xác định trong khoảng thời gian ba năm trở lại đây, chị N và anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do anh H thường xuyên chi tiêu phung phí, không rõ ràng trong chuyện tiền bạc, thường xuyên nổi nóng, cáu gắt và đánh đập chị N mỗi khi chị N đề cập đến việc tiêu xài của anh H. Ngoài ra, anh H thường xuyên đi ra ngoài

không có giờ giấc, có hôm anh đi qua đêm, đến sáng mới về, không biết anh đi đâu, làm gì. Nếu chị N hỏi, lời qua tiếng lại, anh H sẽ đánh chị N. Chị N đã nhiều lần khuyên nhủ, anh H không sửa đổi. Chị N và anh H đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh H.

Anh H xác định giữa chị N và anh H cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đáng kể, nhưng chị N đã tự đi khỏi nhà từ tháng 12/2017 đến nay. Anh H không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh H không sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2017 đến nay, trong thời gian này chị N và anh H không hàn gắn được tình cảm với nhau . Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt tại các buổi hòa giải. Qua đó cho thấy anh H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa chị N và anh H không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống có hai con chung tên Lý Châu N, sinh ngày 25/7/2008 và Lý Châu N2, sinh ngày 07/6/2011. Hiện nay hai con đang sống cùng với chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N2 và cháu N2 sau khi ly hôn và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho cháu N và cháu N2.

Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi, đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý bình thường của con chưa thành niên. Cháu N và cháu N2 hiện đang sống chung với chị N. Anh H không thể hiện ý kiến có nguyện vọng nuôi con.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung là cháu Lý Châu N, sinh ngày 25/7/2008 và Lý Châu N2, sinh ngày 07/6/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu N và cháu N2 đang sống cùng chị N, cho nên chị N được tiếp tục nuôi dưỡng các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị Châu Kim N và anh Lý Phương H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Châu Kim N và anh Lý Phương H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Châu Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Châu Kim N đối với anh Lý Phương H. Chị Châu Kim N được ly hôn với anh Lý Phương H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lý Châu N, sinh ngày 25/7/2008 và Lý Châu N2, sinh ngày 07/6/2011 cho chị Châu Kim N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hiện nay cháu N và cháu N2 đang sống cùng chị N, nên chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu N2.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Châu Kim N không yêu cầu anh Lý Phương H cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Lý Phương H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Châu Kim N và anh Lý Phương H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Châu Kim N và anh Lý Phương H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Châu Kim N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0008231 ngày 25/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;

- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam